

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24 / 6 /2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Cương.
2. Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1968, địa chỉ: ấp Bình T, xã Bình P, huyện Cai L, tỉnh Tiền Giang, vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971, địa chỉ: ấp V, xã N, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2020, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà H chung sống với nhau từ năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2003 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Ông và bà H đã sống ly thân từ năm 2003 cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên ông P yêu cầu ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Phương Q, sinh ngày 26/02/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H thống nhất lời trình bày của ông P về điều kiện đi đến hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên ông P yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà H thống nhất lời trình bày của ông P.

Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa các đương sự về con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án và đã nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Ông P, bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P, bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Ông P và bà H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Theo lời khai của ông P và bà H thì mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, do đó đã sống ly thân từ 2003 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, ông P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H và bà H cũng đồng ý ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, ông P và bà H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay không đăng ký kết hôn nên quan hệ của ông P và bà H không được công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Ông P và bà H thống nhất có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Phương Q, sinh ngày 26/02/2002 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông P và bà H cùng thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0009120 ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện KSND huyện Tịnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Tịnh Biên;
- UBND xã Núi Voi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Lương Ngọc Dũng

